

				găng tay và các loại tương tự, bằng đồng; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng đồng
Chương 76	7615			Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc các loại đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng nhôm; miếng dùng để cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, găng tay và các loại tương tự bằng nhôm; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng nhôm
Chương 82	8210	00	00	Đồ dùng cơ khí hoạt động bằng tay, nặng 10 kg trở xuống, dùng để chế biến, pha chế hoặc phục vụ đồ ăn hoặc đồ uống
	8211	91	00	- - Dao ăn có lưỡi cố định
	8212			Dao cạo và lưỡi dao cạo (kể cả lưỡi dao cạo chưa hoàn thiện ở dạng dài).
	8214	20	00	- Bộ đồ và dụng cụ cắt sửa móng tay hoặc móng chân (kể cả dũa móng)
	8215			Thìa, đĩa, muôi, thìa hót kem, hót bột, đồ xúc bánh, dao ăn cá, dao cắt bơ, kẹp gấp đường và các loại đồ dùng nhà bếp hoặc bộ đồ ăn tương tự
Chương 83	8301	30	00	- Ổ khoá thuộc loại sử dụng cho đồ nội thất
	8301	70	00	- Chìa rời
	8302			Giá, khung, phụ kiện và các sản phẩm tương tự bằng kim loại cơ bản dùng cho đồ nội thất, cho cửa ra vào, cầu thang, cửa sổ, màn che, khung vỏ xe, yên cương, rương, hòm hay các loại tương tự; giá để mũ, mắc mũ, chân giá đỡ và các loại giá cố định tương tự; bánh xe đẩy loại nhỏ có giá đỡ bằng kim loại cơ bản; cơ cấu đóng cửa tự động bằng kim loại cơ bản
	8302	42		- - Loại khác, phù hợp cho đồ nội thất
	8302	50	00	- Giá để mũ, mắc mũ, chân giá đỡ và các loại giá cố định tương tự
	8306			Chuông, chuông đĩa và các loại tương tự, không dùng điện, bằng kim loại cơ bản; tượng nhỏ và đồ trang trí khác, bằng kim loại cơ bản; khung ảnh, khung tranh hay các loại khung tương tự, bằng kim loại cơ bản; gương bằng kim loại cơ bản
Chương 84	8415			Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay

			đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt
	8415	81	- - Kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều):
	8415	82	- - Loại khác, có kèm theo bộ phận làm lạnh:
	8415	83	- - Không gắn kèm bộ phận làm lạnh
	8415	90	- Bộ phận
	8415	90	19 - - - Loại khác
	8418		Tủ lạnh, tủ kết đông và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15.
			- Bộ phận
	8418	99	- - Loại khác
	8419		Thiết bị cho phòng thí nghiệm hoặc máy, thiết bị, gia nhiệt bằng điện hoặc không bằng điện (trừ lò luyện, nung, sấy và các thiết bị khác thuộc nhóm 85.14) để xử lý các loại vật liệu bằng quá trình thay đổi nhiệt như làm nóng, nấu, rang, chưng cất, tinh cất, sát trùng, thanh trùng, phun hơi nước, sấy, làm bay hơi, làm khô, ngưng tụ hoặc làm mát trừ các loại máy hoặc thiết bị dùng cho gia đình; thiết bị đun nước nóng nhanh hoặc thiết bị đun nước nóng có dự trữ ⁽¹⁾ , không dùng điện
			-Thiết bị đun nước nóng nhanh hoặc thiết bị đun nước nóng có dự trữ (1), không dùng điện
	8419	11	- - Thiết bị đun nước nóng nhanh bằng ga:
	8419	11	10 - - - Loại sử dụng trong gia đình
	8419	19	- - Loại khác:
	8419	19	10 - - - Loại sử dụng trong gia đình
	8419	81	- - Để làm nóng đồ uống hoặc nấu hoặc hâm nóng thực phẩm
	8421		Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí
			- Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng:
	8421	21	- - Để lọc hoặc tinh chế nước:

	8421	21	11	- - - - Máy và thiết bị lọc sử dụng trong gia đình
				- Bộ phận
	8421	91		- - Cửa máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm: (chỉ bao gồm bộ phận của mã 8421.21.11 nêu trên)
	8422			Máy rửa bát đĩa; máy làm sạch hoặc làm khô chai lọ hoặc các loại đồ chứa khác; máy rót, đóng kín, gắn xi, đóng nắp hoặc dán nhãn vào các chai, lon, hộp, túi hoặc đồ chứa khác; máy bọc chai lọ, ống và các loại đồ chứa tương tự; máy đóng gói hay bao gói khác (kể cả máy bọc màng co); máy nập ga cho đồ uống
	8422	90		- Bộ phận:
	8422	90	10	- - Cửa các máy thuộc phân nhóm 8422.11
	8423	10		- Cân người, kể cả cân trẻ em; cân sử dụng trong gia đình
				- Cân trọng lượng khác:
	8423	81		- - Có khả năng cân tối đa không quá 30 kg:
	8450			Máy giặt gia đình hoặc trong hiệu giặt, kể cả máy giặt có chức năng sấy khô
	8450	90		- Bộ phận:
	8450	90	20	- - Cửa máy thuộc phân nhóm 8450.11, 8450.12.00 hoặc 8450.19
	8451	30		- Máy là và là hơi ép (kể cả ép méch):
	8451	30	10	- - Máy là trục đơn, loại gia dụng
	8452	10	00	- Máy khâu dùng cho gia đình
	8471	60		- Bộ nhập hoặc bộ xuất, có hoặc không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ:
	8471	70		- Bộ lưu trữ:
Chương 85	8508			Máy hút bụi.
	8508	70		- Bộ phận:
	8508	70	10	- - Máy hút bụi của phân nhóm 8508.11.00 hoặc 8508.19.10
	8509			Thiết bị cơ điện gia dụng có động cơ điện gắn liền, trừ máy hút bụi của nhóm 85.08
	8510			Máy cạo, tông đơ và các dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc, có động cơ điện gắn liền
	8516			Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời hoặc đun nước nóng có dự trữ và đun nước nóng kiểu nhúng; dụng cụ điện làm nóng không

huda

				gian và làm nóng đất; dụng cụ nhiệt điện làm tóc (ví dụ, máy sấy tóc, máy uốn tóc, dụng cụ kẹp uốn tóc) và máy sấy làm khô tay; bàn là điện; dụng cụ nhiệt điện gia dụng khác; các loại điện trở đốt nóng bằng điện, trừ loại thuộc nhóm 85.45
	8518			Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện
	8518	30		- Tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không nối với một micro, và các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa:
	8518	30	10	- - Tai nghe có khung chụp qua đầu
	8518	30	20	- - Tai nghe không có khung chụp qua đầu
				- - Bộ micro/ loa kết hợp khác:
	8518	30	51	- - - Cho hàng hóa của phân nhóm 8517.12.00
	8518	30	59	- - - Loại khác
	8518	40		- Thiết bị điện khuếch đại âm tần
	8518	90		- Bộ phận
	8519			Thiết bị ghi và tái tạo âm thanh
	8519	30	00	- Đầu quay đĩa (có thể có bộ phận lưu trữ) nhưng không có bộ phận khuếch đại và không có bộ phận phát âm thanh (loa)
	8519	81		- - Thiết bị truyền thông sử dụng công nghệ từ tính, quang học hoặc bán dẫn:
	8519	81	10	- - - Máy ghi âm cassette bỏ túi, kích thước không quá 170 mm x 100 mm x 45 mm
	8519	81	20	- - - Máy ghi âm cassette, có bộ phận khuếch đại và một hoặc nhiều loa, hoạt động chỉ bằng nguồn điện ngoài
	8519	81	30	- - - Đầu đĩa compact
				- - - Máy sao âm:
	8519	81	49	- - - - Loại khác
	8519	81	69	- - - - Loại khác
				- - - Thiết bị tái tạo âm thanh khác, kiểu cassette:
	8519	81	79	- - - - Loại khác

				- - - Loại khác:
	8519	81	99	- - - - Loại khác
	8521			Thiết bị ghi hoặc tái tạo video, có hoặc không gắn bộ phận thu tín hiệu video
	8522			Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21
	8527			Thiết bị thu dùng cho phát thanh sóng vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ trong cùng một khối
	8529			Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc các nhóm từ 85.25 đến 85.28
	8539			Bóng đèn điện dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; đèn đi-ốt phát quang (LED)
	8539	22		- - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V:
	8539	22	91	- - - - Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất không quá 60W
	8539	22	93	- - - - Loại khác, dùng cho chiếu sáng gia dụng
	8539	22	99	- - - - Loại khác
	8539	29		- - Loại khác:
	8539	29	50	- - - Loại khác, có công suất trên 200W nhưng không quá 300 W và điện áp trên 100 V
	8539	31		- - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng:
	8539	39		- - Loại khác
Chương 87	8711			Mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)) và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ, có hoặc không có thùng xe bên cạnh; thùng xe có bánh (side-cars)
	8712			Xe đạp hai bánh và xe đạp khác (kể cả xe xích lô ba bánh chở hàng), không lắp động cơ (trừ xe đạp đua mã HS 8712.00.10)
	8714			Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 8711 đến 87.13 (trừ bộ phận và phụ kiện của nhóm 87.13)
Chương 90	9004	10	00	- Kính râm

Handwritten signature

Chương 91	9101			Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, với vỏ làm bằng kim loại quý hay kim loại dát phủ kim loại quý
	9102			Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, trừ các loại thuộc nhóm 91.01
	9103			Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, trừ các loại đồng hồ thuộc nhóm 91.04
	9105			Đồng hồ thời gian khác. (trừ đồng hồ đo thời gian hàng hải mã HS 9105.91.10, 9105.99.10 và máy tương tự)
Chương 94				- Ghế quay có điều chỉnh độ cao:
	9401	31	00	-- Bằng gỗ
	9401	39	00	-- Loại khác
				- Ghế có thể chuyển thành giường, trừ ghế trong vườn hoặc đồ cắm trại:
	9401	41	00	-- Bằng gỗ
	9401	49	00	-- Loại khác
				- Ghế bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự:
	9401	52	00	-- Bằng tre
	9401	53	00	-- Bằng song, mây
	9401	59	00	-- Loại khác
				- Ghế khác, có khung bằng gỗ:
	9401	61	00	-- Đã nhồi đệm:
	9401	69		-- Loại khác
				- Ghế khác, có khung bằng kim loại:
	9401	71	00	-- Đã nhồi đệm
	9401	79		-- Loại khác:
	9401	80	00	- Ghế khác
	9403	10	00	- Đồ nội thất bằng kim loại được sử dụng trong văn phòng
	9403	20		- Đồ nội thất bằng kim loại khác:
	9403	30	00	- Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong văn phòng
	9403	40	00	- Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong nhà bếp
	9403	50	00	- Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong phòng ngủ
	9403	60		- Đồ nội thất bằng gỗ khác:

Handwritten signature

	9403	70		- Đồ nội thất bằng plastic:
	9403	82	00	- - Bảng tre
	9403	83	00	- - Bảng song, mây
	9403	89		- - Loại khác:
	9404			Khung đệm; các mặt hàng thuộc bộ đồ giường và các loại tương tự (ví dụ, đệm, chăn quilt, chăn nhồi lông, nệm, đệm ghế loại dài và gối) có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu bất kỳ hoặc bằng cao su xốp hoặc plastic xốp, có hoặc không bọc.
	9405	19	92	- - - Đèn gắn bóng đèn huỳnh quang
	9405	19	99	- - - Loại khác
	9405	21	90	- - - Loại khác
	9405	29	90	- - - Loại khác
				- Dây đèn dùng cho cây Nô-en:
	9405	31	00	- - Được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED)
	9405	39	00	- - Loại khác
	9405	50	11	- - - Bảng đồng sử dụng trong nghi lễ tôn giáo
	9405	50	19	- - - Loại khác
	9405	50	40	- - Đèn bão
	9405	50	90	- - Loại khác
Chương 95	9504			Các máy và thiết bị trò chơi điện tử video, các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng khách, kể cả trò chơi bắn bi (pin-table), bi-a, bàn chuyên dụng dùng cho trò chơi ở sòng bạc và thiết bị chơi bowling tự động, máy giải trí hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán khác
	9505			Đồ dùng trong lễ hội, hội hoá trang hoặc trong các trò chơi giải trí khác, kể cả các mặt hàng dùng cho trò chơi ảo thuật hoặc trò vui cười
Chương 96	9603	21	00	- - Bàn chải đánh răng, kể cả bàn chải dùng cho răng mạ
	9603	29	00	- - Loại khác
	9603	90		- Loại khác
	9605	00	00	Bộ đồ du lịch dùng cho vệ sinh cá nhân, bộ đồ khâu hoặc bộ đồ làm sạch giày dép hoặc quần áo

	9613			Bật lửa châm thuốc lá và các bật lửa khác, có hoặc không dùng cơ hoặc điện, và các bộ phận của chúng trừ đá lửa và bắc
	9614			Tẩu thuốc (kể cả điếu bát) và đốt xì gà hoặc đốt thuốc lá, và bộ phận của chúng
	9615			Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng
	9617	00	10	- Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh



Phụ lục III
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CFS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: [Tên Cơ quan cấp CFS]

Tên Thương nhân:

- Địa chỉ: ... Số điện thoại: ... Số fax: ... Email: ...

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, (thương nhân) đề nghị được cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các sản phẩm, hàng hoá sau:

STT	Tên sản phẩm	Số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc Số đăng ký	Số hiệu tiêu chuẩn	Thành phần, hàm lượng hoạt chất (nếu có)	Nước nhập khẩu
1					
2					
3					

(Thương nhân) xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TẠM NHẬP, TÁI XUẤT;
TẠM XUẤT, TÁI NHẬP VÀ CHUYỂN KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 1: Áp dụng đối với trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹³

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm...
- Mã số tạm nhập, tái xuất (nếu có): ...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin kinh doanh tạm nhập, tái xuất:

STT	Mặt hàng	Mã HS (8 số)	Số lượng	Trị giá (USD)

- Công ty nước ngoài bán hàng:
- + Theo hợp đồng nhập khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu nhập hàng:
- Công ty nước ngoài mua hàng:
- + Theo hợp đồng xuất khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu xuất hàng:

¹³ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

(Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)



Mẫu 2: Áp dụng đối với trường hợp tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo hình thức khác

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹⁴

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin tạm nhập, tái xuất:

STT	Mặt hàng	Mã HS (8 số)	Số lượng	Trị giá (USD)

- Mục đích tạm nhập, tái xuất:
- Công ty nước ngoài cho thuê/ mượn:
- Theo hợp đồng/thỏa thuận số ... ngày ... tháng ... năm ...
- Cửa khẩu nhập hàng:
- Cửa khẩu xuất hàng:

(Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

¹⁴ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Mẫu 3: Áp dụng đối với trường hợp tạm xuất, tái nhập hàng hóa

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹⁵

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin tạm xuất, tái nhập:

STT	Mặt hàng	Mã HS (8 số)	Số lượng	Trị giá (USD)

- Mục đích tạm xuất, tái nhập:

- Hợp đồng sửa chữa, bảo hành/ Hợp đồng cho thuê, mượn số ... ngày ... tháng ... năm ...

- Cửa khẩu xuất hàng:

- Cửa khẩu nhập hàng:

(Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm xuất, tái nhập hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

¹⁵ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mẫu 4: Áp dụng đối với trường hợp kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹⁶

- Tên thương nhân:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):
-
-
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa:

STT	Mặt hàng	Mã HS (8 số)	Số lượng	Trị giá (USD)

- Công ty nước ngoài bán hàng:
- + Theo hợp đồng nhập khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu nhập hàng:
- Công ty nước ngoài mua hàng:
- + Theo hợp đồng xuất khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...
- + Cửa khẩu xuất hàng:

(Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

¹⁶ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH
TẠM NHẬP, TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm 20...

V/v báo cáo tình hình thực hiện
Giấy phép kinh doanh tạm nhập,
tái xuất/ chuyển khẩu

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹⁷

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất/ kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa như sau:

Tên hàng	Mã số HS	Giấy phép do Bộ Công Thương cấp (Số ...)		Số lượng hàng đã tạm nhập/ đã đưa vào cảng Việt Nam			Số lượng hàng đã tái xuất/ đã đưa ra khỏi Việt Nam			Số lượng còn chưa tái xuất, hiện đang lưu giữ tại kho/bãi/cảng (nếu có)	
		Lượng (chiếc/ tấn)	Trị giá (USD)	Lượng (chiếc/ tấn)	Trị giá (USD)	CK tạm nhập	Lượng (chiếc/ tấn)	Trị giá (USD)	CK tái xuất	Lượng (chiếc/ tấn)	Trị giá (USD)
Đề nghị kê khai cụ thể tên hàng	Kê khai cụ thể mã số HS 08 số của hàng hóa										

(Thương nhân) cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai (Thương nhân) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

¹⁷ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ KINH DOANH
TẠM NHẬP, TÁI XUẤT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Mẫu 1: Áp dụng đối với hàng thực phẩm đông lạnh

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹⁸

1. Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm

...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Doanh nghiệp) xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

2. Kho, bãi chuyên dùng để phục vụ việc kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh của doanh nghiệp:

STT	Tên Kho, bãi	Địa chỉ kho, bãi	Hình thức sở hữu (Thuộc sở hữu hoặc kho thuê)	Sức chứa (m ² /công-ten-nơ)	Ghi chú
1					
2					

3. Nguồn điện để bảo quản hàng thực phẩm đông lạnh:

¹⁸ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



- Điện lưới (số lượng trạm biến áp, công suất từng trạm biến áp).
- Máy phát điện dự phòng (số lượng máy phát điện; nhãn hiệu, công suất và số serie của từng máy).

- Thiết bị cấm điện chuyên dùng (số lượng).

4. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.

- Văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận việc doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ theo quy định: 1 bản chính.

- Văn bản của cơ quan điện lực xác nhận về việc kho, bãi của doanh nghiệp có nguồn điện lưới đủ để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo quy định: 1 bản chính.

- Tài liệu, giấy tờ chứng minh về kho, bãi và các trang thiết bị nêu tại mục 2 và 3 nêu trên.

(Doanh nghiệp) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu 2: Áp dụng đối với hàng hoá có thuế tiêu thụ đặc biệt

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hoá có thuế tiêu thụ đặc biệt

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]¹⁹

1. Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có):
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Doanh nghiệp) xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hoá có thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.
- Văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận việc doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ theo quy định: 1 bản chính.

(Doanh nghiệp) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

¹⁹ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Mẫu 3: Áp dụng đối với hàng hóa đã qua sử dụng

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]²⁰

1. Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...
 - Địa chỉ website (nếu có):
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm

...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Doanh nghiệp) xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng.

2. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.
- Văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận việc doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ theo quy định: 1 bản chính.

(Doanh nghiệp) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

²⁰ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Phụ lục VII
MẪU GIẤY XÁC NHẬN VIỆC KÝ QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY XÁC NHẬN
Doanh nghiệp nộp tiền ký quỹ theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP

Tên tổ chức tín dụng:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Xác nhận như sau:

1. Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: Số fax:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm

...

- Số tài khoản:

Đã nộp số tiền ... vào tài khoản nêu trên.

2. Số tiền nêu trên được doanh nghiệp nộp vào tài khoản phong tỏa tại ... theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

3. Số tiền nêu trên chỉ được sử dụng hoặc hoàn trả lại doanh nghiệp theo đề nghị bằng văn bản của [Cơ quan cấp phép]²¹ theo đúng quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ./.

Người đứng đầu tổ chức tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

²¹ Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Phụ lục VIII
MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH KINH DOANH
TẠM NHẬP, TÁI XUẤT HÀNG HÓA
(Áp dụng đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:
V/v báo cáo tình hình TNTX
hàng hóa quý ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]²²

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp xin báo cáo tình hình thực hiện tạm nhập, tái xuất hàng hóa trong quý ... như sau:

Tên hàng	Mã số HS	Giấy phép do [Cơ quan cấp phép] cấp ²³ (Số ...) (nếu có)		Thực hiện tạm nhập			Thực hiện tái xuất			Số lượng chưa tái xuất hiện đang lưu giữ tại kho/bãi/cảng (nêu rõ tên cảng)	
		Lượng (cont 40'/Chiếc/Tấn)	Trị giá (USD)	Lượng (cont 40'/Chiếc/Tấn)	Trị giá (USD)	Cửa khẩu tạm nhập	Lượng (cont 40'/Chiếc/Tấn)	Trị giá (USD)	Cửa khẩu tái xuất	Lượng (cont 40'/Chiếc/Tấn)	Trị giá (USD)
Đề nghị kê khai cụ thể tên hàng	Đề nghị kê khai cụ thể mã số										

²² Cụm từ “Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)” được thay thế bởi cụm từ “[Cơ quan cấp phép]” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²³ Cụm từ “Giấy phép do Bộ Công Thương cấp” được thay thế bởi cụm từ “Giấy phép do [Cơ quan cấp phép] cấp” theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

HS 08 số của hàng hóa											
--------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

* Nếu hàng còn lưu giữ tại kho, bãi, cảng, cửa khẩu vào thời điểm báo cáo, đề nghị doanh nghiệp nêu rõ:

- Số lượng: ..., trong đó:
- + Số lượng hàng đã về Việt Nam nhưng chưa làm thủ tục tạm nhập:
- + Số lượng hàng đã làm thủ tục tạm nhập nhưng chưa tái xuất ra khỏi Việt Nam:
- Lý do chưa tái xuất được:
- Thời gian đã lưu giữ tại kho, bãi, cảng, cửa khẩu:
- Dự kiến thời gian giải tỏa hàng:

Doanh nghiệp cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm được pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh ...;
- Sở Công Thương tỉnh ...



Phụ lục IX²⁴
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ HÀNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

I. Tên chủ hàng:

- Địa chỉ: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...

Đề nghị Bộ Công Thương cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1						
2						

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển:

6. Thời gian dự kiến quá cảnh:

II. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi “tự vận chuyển”. Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

²⁴ Phụ lục này được thay thế bởi phụ lục tương ứng tại Mẫu số 02 mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



.....
.....
**Người đại diện theo pháp luật của chủ
hàng**
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

